TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 17/01/ 2025
V/v: tranh chấp quyền thừa kế, hủy giấy chứng nhận QSDĐ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hải Trung

2. Bà Đặng Thị Hoàng Anh

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024, về việc *"Tranh chấp quyền thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa:

1.Nguyên đơn: ông Lê Thành T, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số C, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiêm Giang (có mặt).

N*gười đại diện hợp pháp của nguyên đơn* là anh Võ Tấn T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: số B L, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Bị đơn: ông Lê Bình T2, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh long. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Trí P, sinh năm 1952. Địa chỉ: tổ A khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (có mặt).
- Bà Lê Cẩm H, sinh năm 1963. Địa chỉ: số E khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).
- Ông Lê Trí Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: số A khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).
- Bà Lê Thị Sâm M, sinh năm 1970. Địa chỉ: số G, đường P, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).
- Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1979 (có mặt)
- Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1999(có đơn vắng mặt).
- Chị Lê Thị Minh T3, sinh năm 2004 (có đơn vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Nguyễn Đức Â, sinh năm 1972 (có mặt). Địa chỉ: khóm P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

-Bà Đinh Thị C, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn vắng mặt).

- Đinh Văn X, sinh năm 1946 (vắng mặt)

- Nguyễn Thị B, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Nguyễn Kim C1, sinh năm 1981. Địa chỉ: số B, khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

-Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theom pháp luật của UBND huyện L là bà Phan Thị Mỹ H2, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện L.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Trung S, chức vụ : phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L (văn bản ủy quyền ngày 06/12/2024) (có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Võ Tấn T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về hàng thừa kế: cụ Lê Văn N1 (chết năm 1998) và cụ Phan Thị B1 (chết năm 2005) là vợ chồng, hai cụ có các con chung gồm: ông Lê Thành T, ông Lê Bình T2, ông Lê Trí P, bà Lê Cẩm H, ông Lê Trí Đ, bà Lê Thị Sâm M (Lê Thị M), Lê Công C2 (chết năm 1972 có vợ, con cũng đã chết); Lê Ngọc D, (chết không có vợ, con) và 02 người con nữa chết lúc nhỏ không có vợ, con. Cụ N1 và cụ Ba K còn người thừa kế nào khác.

Về di sản: cụ Lê Văn N1 và cụ Phan Thị B1 chết để lại các thửa đất:

-Thửa 982; tờ bản đồ số 01, diện tích 4.130m^2 loại đất thổ + vườn;

-Thửa đất số 569, diện tích 2.290m^2, loại đất lúa;

Cùng tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi cụ N1 và cụ B1 chết ông T2 tự làm thủ tục thừa kế đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên, các anh chị em trong gia đình không hay biết.

Do các đương sự không thỏa thuận được việc chia thừa kế, nên ông Lê Thành T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 34096/QSDĐ cấp ngày 18/7/2001 đứng tên hộ ông Lê Bình T2 đối với thửa đất số 982, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.130m^2 loại đất thổ + vườn và yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thửa đất 982 nêu trên cho 06 người con của cụ N1 và cụ B1 gồm: Lê Thành T, Lê Trí P, Lê Trí Đ, Lê Cẩm H, Lê Thị Sâm M, Lê Bình T2, cụ thể như sau:

- Chia cho ông Lê Bình T2 được hưởng phần đất tách thửa 228 -1, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 500,2m^2 , loại đất ONT +

CLN (trong đó có đất ONT diện tích 150m^2 đất cây lâu năm 350,2m^2) và cây trồng, vật kiến trúc trên đất,

-Chia cho ông Lê Bình T2 được quyền sử dụng phần đất tách thửa 228-2-1, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 530,3m^2, loại đất ONT + CLN (trong đó có đất ONT diện tích 150 m^2, đất cây lâu năm 352,2m^2) và cây trồng, vật kiến trúc khác có trên đất, ông T2 quản lý để thực hiện việc thờ cúng. Ông Lê Bình T2 không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp tặng cho hoặc bất cứ hình thức nào đối với phần đất này.

-Chia cho ông Lê Thành T, ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M (Lê Thị M) được hưởng và đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc tách thửa số 228-2-2, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 2.613,7m^2, loại đất CLN và toàn bộ tài sản, cây trồng vật kiến trúc có trên đất,

Tọa lạc đất ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị Trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long).

Đối với thửa đất số 569, tờ bản đồ số 1. diện tích 2.290m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị Trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long) do ông T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn đồng ý cho ông Lê Bình T2 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất này, không tranh chấp.

Đối với thửa đất số 227, diện tích 337,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm, trước đây cụ Phan Thị B1 chuyển nhượng cho ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị B, sau đó ông X và bà B chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Đức Â và bà Đinh Thị C quản lý, sử dụng. Nay ông Â và bà C rút lại đơn yêu cầu độc lập, đồng ý trả lại cho các đương sự phần đất này thì yêu cầu công nhận cho ông Lê Thành T, ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M (Lê Thị M) hưởng và cùng đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Bị đơn ông Lê Bình T2 trình bày*:

Ông T2 thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, về di sản thừa kế do cụ N1 và cụ B để lại. Ông T2 đồng ý thỏa thuận với nguyên đơn ông Lê Thành T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M như sau:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 34096/QSDĐ cấp ngày 18/7/2001 đứng tên hộ ông Lê Bình T2 đối với phần đất thửa 982, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.130m^2 loại đất thổ + vườn, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L). Chia thừa kế cho 06 người con của cụ N1 và cụ B gồm: Lê Thành T, Lê Trí P, Lê Trí Đ, Lê Cẩm H, Lê Thị Sâm M, Lê Bình T2, cụ thể như sau:

-Chia cho ông Lê Bình T2 được quyền sử dụng tách thửa đất số 228 -1, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 500,2m^2 , trong đó đất ở nông thôn 150m^2 và đất trồng cây lâu năm 352,2m^2.

-Chia cho ông Lê Bình T2 được quyền sử dụng tách thửa đất số 228-2-1, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 530,3m^2, trong đó đất ở nông thôn 150m^2, đất trồng cây lâu năm 380,3m^2 và cây trồng, vật kiến trúc có

trên đất, ông T2 quản lý để thực hiện việc thờ cúng, không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp tặng cho hoặc bất cứ hình thức nào đối với phần đất này.

-Chia cho ông Lê Thành T, ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M (Lê Thị M) được quyền sử dụng và đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tách thửa 228-2-2, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1),diện tích 2.613,7m^2 và thửa 227, diện tích 337,8m^2, cùng loại đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản, cây trồng vật kiến trúc có trên đất.

Các thửa đất trên cùng tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long).

Tài sản, vật kiến trúc, cây trồng có trên đất được chia cho ai người đó sử dụng, không tranh chấp.

Trước đây ông T2 có yêu cầu ông T, ông Đ, ông P, bà H, bà M bồi hoàn giá trị căn nhà ông T2 đã xây dựng trên tách thửa 228-2-2, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích chung 2.613,7m^2 theo biên bản định giá ngày 10/11/2022. Nay ông T2 không yêu cầu bồi thường, phần này các đương sự đã thỏa thuận xong.

Đối với thửa đất số 569, diện tích 2.290m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L) hiện do ông T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các anh chị em không tranh chấp thửa đất này thì ông T2 được quyền quản lý, sử dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trí P, bà Lê Cẩm H, ông Lê Trí Đạ T4 và bà Lê Thị Sâm M trình bày:

Các đương sự thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Thành T do anh Võ Tấn T1 làm đại diện và bị đơn ông Lê Bình T2 về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ N1 và cụ B để lại. Thống nhất hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T2 tại thửa 982, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.130m^2 loại đất thổ + vườn và chia thừa kế cho các đương sự như nguyên đơn và bị đơn trình bày nêu trên, không có yêu cầu gì khác.

Đối với thửa đất số 569, diện tích 2.290m^2, loại đất lúa, hiện do ông Lê Bình T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L) thống nhất để cho ông T2 quản lý, sử dụng, không tranh chấp.

- Anh Nguyễn Đức Â và chị Đinh Thị C có đơn yêu cầu độc lập trình bày:

Trước đây ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị B (là cha mẹ vợ của ông Â) có mua của bà Phan Thị B1 một phần đất có diện tích khoảng 250m^2 thuộc một phần thửa 982, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.130m^2 loại đất thổ + vườn, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau đó anh, chị đã mua lại phần đất này của ông X, bà B1 quản lý, sử dụng và có làm nhà tạm ở trên phần đất này. Nay anh chị tự nguyện rút lại đơn yêu cầu độc lập, đồng ý trả lại cho hàng thừa kế của cụ B1 và cụ N1 thửa đất số 227, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách thửa 982, tờ bản đồ số 1), diện tích đo đạc thực tế là 337,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Anh chị tự nguyện di dời di nơi khác ở, không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản nào.

- *Chị Nguyễn Kim C1 trình bày*: chị không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án, không có yêu cầu độc lập.

- *Ông Võ Trung S là người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:*

Theo công văn số 722 ngày 12/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phúc đáp công văn số 294/TAH ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Bình T2 như sau:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L ký cấp ngày 10/10/1995 cho ông Lê Văn N1 đứng tên thửa số 569, tờ bản đồ số 1, diện tích 2290m^2, loại đất lúa và thửa 982, tờ bản đồ số 1, diện tích 4130m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi ông N1 chết những người được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của ông N1 gồm: bà Phan Thị B1, ông Lê Bình T2 lập tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất, cùng đồng ý thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất thửa số 872, tờ bản đồ số 1, diện tích 2290m^2, loại đất 2 lúa và thửa 1313, tờ bản đồ số 1, diện tích 4130m^2, loại đất thổ vườn cho ông Lê Bình T2 thừa kế và được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận ngày 06/9/2000.

Ngày 14/9/2000 ông Lê Bình T2 lập tờ khai lệ phí trước bạ, tờ khai nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất, được Chi cục thuế huyện L xác định là không thuộc diện nộp lệ phí trước bạ và thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Cùng ngày 14/9/2000, ông Lê Bình T2 làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa 569, diện tích 2290m^2, loại đất 2 lúa và thửa 982, diện tích 4130m^2 , loại đất thổ vườn, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 18/7/2001 hộ ông Lê Bình T2 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 569, diện tích 2290m^2 , loại đất 2 lúa và thửa 982, diện tích 4130m^2, loại đất thổ vườn, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Theo quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành và tại mục 3, tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất lập ngày 30/8/2000 được UBND xã P xác nhận ngày 06/9/2000 thì những người được hưởng thừa kế đã cam kết : "*khai đầy đủ các thừa kế của chủ sử dụng đất , không khai thiếu, không khai giấu thừa kế nào". Do đó việc kê khai những người được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật của ông Lê Văn N1 là do người lập tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất kê khai và chịu trách nhiệm với nội dung kê khai. Do đó việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Lê Bình T2 tại* thửa 569, diện tích 2290m^2, loại đất 2 lúa và thửa 982, diện tích 4130m^2, loại đất thổ vườn, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về đất đai. Cho nên Ủy ban nhân dân huyện L không đồng ý việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Bình T2 thửa 982, diện tích 4130m^2, loại đất thổ vườn, tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đức Â và bà Đinh Thị C rút lại yêu cầu độc lập, đồng ý giao trả lại thửa đất 227, diện tích 337,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm.

Nguyên đơn ông Lê Thành T, bị đơn ông Lê Bình T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận cho ông Lê Bình T2 được quyền sử dụng tách thửa 228 -1, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 500,2m^2 (trong đó đất ở nông thôn 150m^2, đất trồng cây lâu năm 350,2m^2) và cây trồng, vật kiến trúc có trên đất.

-Công nhận cho ông Lê Bình T2 được quyền sử dụng tách thửa 228-2-1, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 530,3m^2 (trong đó đất ở nông thôn 150m^2, đất trồng cây lâu năm 352,2m^2) và cây trồng, vật kiến trúc có trên đất.

-Công nhận cho ông Lê Thành T, ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M (Lê Thị M) được quyền sử dụng và đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc tách thửa số 228-2-2, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 2.613,7m^2 và thửa 227, diện tích 337,8m^2, cùng loại đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản, cây trồng vật kiến trúc có trên đất.

Các thửa đất nói trên cùng tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long).

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 08/5/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Về chi phí tố tụng: ông Lê Thành T chịu toàn bộ là 9.125.000đ và ông T đã nộp xong.

Về án phí sơ thẩm: các đương sự đồng ý chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với phần tài sản được hưởng và thống nhất giá trị quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm là 71.000đ/m^2, đất ở nông thôn giá 230.000đ/m^2.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự đã thực đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ quy định tại các Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 217, Điều 474, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Đức Â, và chị Đinh Thị C về việc yêu cầu công nhận thửa đất 227 diện tích 337,8m^2.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành T;

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 34096/QSDĐ cấp ngày 18/7/2001 do UBND Huyện L cấp cho hộ ông Lê Bình T2 tại thửa số 982 tờ bản đồ số 1 diện tích 4.130m^2 loại đất TV tọa lạc tại ấp A xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Chia cho ông Lê Bình T2 được hưởng phần đất tách 228-1 diện tích 500,2m^2 loại đất ONT-CLN (gồm các mốc 9,8,14,10,9) trong đó có 150m^2 đất thổ và tách thửa 228-2-1 diện tích 530,3m^2 loại đất ONT, CLN (gồm các mốc 10,14,E, D, C,B, A, 10) trong đó có 150m^2 đất thổ và cây trồng vật kiến trúc gắn liền trên đất.

Chia cho ông Lê Thành T, Lê Trí P, Lê Trí Đ, Lê Cẩm H, Lê Thị Sâm M hưởng thừa kế phần đất tách thửa 228-2-2 diện tích 2.613,7m^2 loại đất CLN (gồm các mốc 8,,7,6,5,4,2,13,12,11,B, C,D,E,14,8) và tòan bộ tài sản, vật kiến trúc, cây trồng có trên đất và thửa đất 227 diện tích 337,8m^2. Ông T, ông P, ông Đ, bà H được đứng tên chung giấy chứng nhận QSD đất. (Theo trích đo bản đồ khu đất ngày 08/5/2023)

Về chi phí khảo sát đo đạc: Ông T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 9.125.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: miễn án phí cho ông T, ông P, bà H. Ông Đ, bà M mỗi người phải chịu 2.095.500đ án phí. Ông T2 phải chịu là 5.743.275 đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1] Ông Lê Thành T khởi kiện ông Lê Bình T2 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông T2 thửa đất số 982, tờ bản đồ số 1, diện tích 4130m^2, loại đất thổ, vườn, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho hàng thừa kế của cụ Lê Văn N1 và cụ Phan Thị B1 đối với thửa đất 987. Do có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 34, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "*Tranh chấp quyền thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Về tố tụng:

[1] Ông Võ Trung S là người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Ông Nguyễn Đức Â và bà Đinh Thị C rút lại yêu cầu độc lập, xét thấy việc rút lại yêu cầu độc lập của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đức Â và bà Đinh Thị C.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thành T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long ký cấp cho hộ ông Lê Bình T2 vào ngày 18/7/2001 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 34096-QSDĐ) đối với thửa đất số 982, tờ bản đồ số 1, diện tích 4130m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long). Xét nguồn gốc đất là của cụ Lê Văn N1 được Ủy ban nhân dân huyện L ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/10/1995, cụ N1 chết năm 1998, cụ N1 không để lại di chúc, cụ N1 có vợ là cụ Phan Thị B1 và các con Lê Thành T, Lê Bình T2, Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M. Như vậy sau khi cụ N1 chết đã phát sinh quyền thừa kế theo quy định tại Điều 611 Bộ luật dân sự 2015, di sản của cụ N1 chưa chia thừa kế cho các đồng thừa kế. Vào ngày 06/9/2000 ông Lê Bình T2 lập tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất, trong tờ khai ghi nhận cụ Phan Thị B1 là người được hưởng thừa kế đồng ý phân chia quyền sử dụng đất cho ông T2 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng cụ B1 không có ký tên vào tờ khai thừa kế. Các con của cụ N1 và cụ B1 gồm: ông Lê Thành T, ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M cũng không có ký tên vào tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất, hoặc là có văn bản đồng ý của những người này cho ông T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 982 nêu trên. Như vậy việc kê khai thừa kế của ông T2 không đúng quy định của pháp luật. Do đó Ủy ban nhân dân huyện L ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Bình T2 đứng tên hộ đối với thửa đất số 982, tờ bản đồ số 1, diện tích 4130m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/7/2001 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 34096-QSDĐ) là không đúng quy định của pháp luật. Do đó việc Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long không đồng ý hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông Lê Bình T2 là không có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, những người thuộc hàng thừa kế của cụ B1 và cụ N1 xác định thửa đất 982, tờ bản đồ số 1, diện tích 4130m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long) là di sản do cụ Lê Văn N1 để lại và thỏa thuận hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Bình T2 để chia thừa kế thửa đất 982 cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Việc thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Bình T2 đối với thửa đất số 982 nêu trên để chia thừa kế theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Lê Thành T, bị đơn

ông Lê Bình T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M như sau:

- Công nhận cho ông Lê Bình T2 được quyền sử dụng tách thửa đất số 228 -1, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 500,2m^2, trong đó có đất ở nông thôn 150m^2, đất trồng cây lâu năm 350,2m^2 và cây trồng, vật kiến trúc có trên đất.

-Công nhận cho ông Lê Bình T2 được quyền sử dụng tách thửa đất số 228-2-1, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 530,3m^2, trong đó có đất ở nông thôn 150 m^2, đất trồng cây lâu năm 352,2m^2 và cây trồng, vật kiến trúc khác có trên đất.

-Công nhận cho ông Lê Thành T, ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M (Lê Thị M) được quyền sử dụng và đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tách thửa số 228-2-2, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 2613,7m^2 và thửa 227, diện tích 337,8m^2, cùng loại đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản, cây trồng vật kiến trúc có trên đất,

Các thửa đất nêu trên cùng tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long).

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 08/5/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Về chi phí tố tụng: ông Lê Thành T chịu toàn bộ là 9.125.000đ và ông T đã nộp xong.

Về án phí sơ thẩm: các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Bình T2 phải chịu 300m^2 đất thổ giá 230.000đ/m^2, 702,4m^2 đất trồng cây lâu năm giá 71.000đ/m^2, tổng cộng là 118.870.400đ x 5% = 5.943.520đ (làm tròn 5.943.000đ).

Ông Lê Thành T, ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M phải chịu án phí đối với tài sản được hưởng 2.951.5m^2 x 71.000đ/m^2 = 209.556.500đ x 5% = 10.477.825đ : 5 2.095.565đ (mỗi người phải chịu là 2.095.565đ), trong đó ông Lê Thành T, ông Lê Trí P và bà Lê Cẩm H là người cao tuổi được miễn nộp án phí (2.095.565đ x 3=6.286.695). Còn lại buộc ông Lê Trí Đ và bà Lê Thị Sâm M mỗi người phải chịu án phí là 2.095.565đ (làm tròn 2.095.000đ).

Hoàn trả ông Nguyễn Đức Â và bà Đinh Thị C tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0005188 ngày 13/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại các Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 609, 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12,

Điều 26, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đức Â và bà Đinh Thị C về việc công nhận thửa đất 227, diện tích diện tích 337,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm, do rút yêu cầu.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành T;

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự nguyên đơn ông Lê Thành T, bị đơn ông Lê Bình T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M như sau:

2.1.Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long ký cấp cho hộ ông Lê Bình T2 vào ngày 18/7/2001 (số R 337629, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 34096-QSDĐ) đối với thửa đất số 982, tờ bản đồ số 1, diện tích 4130m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long).

2.2. Công nhận cho ông Lê Bình T2 được quyền sử dụng tách thửa đất số 228 -1, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 500,2m^2 ,trong đó có đất ở nông thôn diện tích 150m^2, đất trồng cây lâu năm 350,2m^2 và cây trồng, vật kiến trúc có trên đất.

2.3.Công nhận cho ông Lê Bình T2 được quyền sử dụng tách thửa đất số 228-2-1, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 530,3m^2, trong đó có đất ở nông thôn diện tích 150 m^2, đất trồng cây lâu năm 352,2m^2 và cây trồng, vật kiến trúc có trên đất.

2.4.Công nhận cho ông Lê Thành T, ông Lê Trí P, ông Lê Trí Đ, bà Lê Cẩm H và bà Lê Thị Sâm M (Lê Thị M) được quyền sử dụng và đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tách thửa số 228-2-2, tờ bản đồ số 7 (thửa cũ tách 982, tờ bản đồ số 1), diện tích 2.613,7m^2 và thửa 227, diện tích 337,8m^2, cùng loại đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản, cây trồng vật kiến trúc có trên đất,

Các thửa đất nêu trên cùng tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long).

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 08/5/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.Về chi phí tố tụng: ông Lê Thành T chịu toàn bộ là 9.125.000đ và ông T đã nộp xong.

4.Về án phí sơ thẩm: buộc ông Lê Bình T2 phải chịu số tiền 5.943.000đ (Năm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng)

Buộc ông Lê Trí Đ và bà Lê Thị Sâm M mỗi người phải chịu án phí số tiền 2.095.000đ (Hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả ông Nguyễn Đức Â và bà Đinh Thị C tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005188 ngày 13/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại TP . HCM;
TÒA
-VKSND cùng cấp;
-Cục THADS cùng cấp;
-Chi cục THADS huyện Long Hồ;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN

Đặng Thị Ánh Bình